TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH LỢI** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **02**/2024/HS-ST
Ngày 15 - 01 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Tính**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thị Phương Anh**

2. Bà **Kim Thị Sà Mết**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nhựt** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông **Hà Chí Công** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 21/2023/TLST – HS ngày 22 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2023/QĐXXST – HS ngày 05 tháng 9 năm 2023, Quyết định phục hồi vụ án số 02/2023/HSST-QĐ ngày 22/12/2023, đối với các bị cáo:

1. **Huỳnh Văn Đ**, sinh ngày 20/8/1993, tại Bạc Liêu. Nơi cư trú: Ấp M, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Huỳnh Văn K và bà Nguyễn Thị V; chưa có vợ, con; tiền án: 01 tiền án, ngày 22/9/2020 bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tuyên phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản và Trốn khỏi nơi giam giữ tại Bản án số 16/2020/HS-ST ngày 22/9/2020, chấp hành xong hình phạt chính vào ngày 22/10/2021; tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 10/02/2020, bị Công an xã V, huyện V xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy" với số tiền 750.000 đồng, chưa nộp phạt; ngày 25/6/2015, bị Công an huyện V, tỉnh Bạc Liêu xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "tàng trữ, cất giấu dao (dao tự chế) nhằm mục đích gây thương tích cho người khác" với số tiền 2.500.000 đồng, đã chấp hành xong. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/4/2023, chuyển tạm giam từ ngày 03/5/2023 đến nay. (Có mặt)

2. **Trần Văn Q**, sinh ngày 01/01/1983, tại tỉnh Bạc Liêu. Nơi cư trú: Ấp M, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 4/12; dân

tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn L và bà Lê Thị M; có vợ tên Nguyễn Thị T và 02 con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án: Không có; tiền sự: 01 tiền sự, ngày 02/5/2022 bị Công an huyện V, tỉnh Bạc Liêu ra Quyết định xử phạt hành chính số 79/QĐ-XPHC về hành vi "Trộm cắp tài sản", hình thức xử phạt tiền 1.500.000 đồng, chưa nộp phạt. Nhân thân: Ngày 20/5/2005, bị Ủy ban nhân dân tỉnh B ra Quyết định số 19/QĐ-UBND đưa vào Trường G, thời hạn 18 tháng. Ngày 04/7/2007, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án hình sự phúc thẩm số 100/HS-PT. Bị bắt tạm giữ từ ngày 25/4/2023, chuyển tạm giam từ ngày 03/5/2023 đến nay. (Có mặt)

3. **Lê Trung N**, sinh ngày 17/9/2003, tại tỉnh Bạc Liêu. Nơi cư trú: Ấp M, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Lê Văn K1 và bà Cao Thị H; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Chưa bị kết án. Bị bắt tạm giữ từ ngày 25/4/2023, chuyển tạm giam từ ngày 03/5/2023 đến nay. (Có mặt)

4. **Nguyễn Chí N1**, sinh ngày 01/01/1994, tại tỉnh Bạc Liêu. Nơi cư trú: Ấp M, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn M1 và bà Triệu Thị T1; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 15/01/2020, bị Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 18 tháng. Bị cáo tại ngoại. (Vắng mặt, truy nã nhưng không có kết quả)

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn Q:* Bà **Lâm Thị H1** là Trợ giúp viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh B. (Có mặt)

- *Bị hại:*

1. Bà **Huỳnh Thị P**, sinh năm 1953. Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. (Có đơn xin vắng mặt)

2. Ông **Bạch Thanh B**, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang. (Có đơn xin vắng mặt)

3. Bà **Phạm Kiều O**, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang. (Có đơn xin vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Bà **Cao Thị H**, sinh năm 1977. Địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Huỳnh Văn Đ đi cắt lúa thuê phát hiện bà Huỳnh Thị P ở nhà một mình có đeo sợi dây chuyền vàng nên nảy sinh ý định chiếm đoạt; khoảng 17 giờ ngày 24/4/2023, trong lúc ngồi uống cà phê bị cáo Đ đã kể lại sự việc cho bị cáo

Nguyễn Chí N1 nghe và rủ bị cáo N1 đi chiếm đoạt tài sản trên của bà P thì bị cáo N1 đồng ý. Bị cáo N1 điều khiển xe mô tô hiệu Vision (chưa xác định biển kiểm soát) chở bị cáo Đ đến khu vực nhà bà P để lấy tài sản nhưng do thấy điều kiện chưa thuận lợi nên bị cáo Đ kêu bị cáo N1 điều khiển xe về nhà anh Lê Văn Đ1 tại ấp M, xã V, huyện V để uống rượu. Tại đây, các bị cáo Đ, N1 gặp thêm các bị cáo Trần Văn Q, Lê Trung N, anh Lê Văn Đ1, Huỳnh Thị Hằng M2 và một người thanh niên tên L1. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, bị cáo Đ tiếp tục kể lại sự việc phát hiện bà P ở nhà một mình có đeo sợi dây chuyền vàng cho các bị cáo Q, N, N1 nghe và rủ đi lấy tài sản của bà P bán lấy tiền tiêu xài thì các bị cáo Q, N và N1 đồng ý.

Bị cáo N1 điều khiển xe hiệu Vision chở bị cáo Đ để bị cáo Đ chỉ đường cho bị cáo N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 94M1- 6133 chở bị cáo Q. Lúc này khoảng 00 giờ ngày 25/4/2023, bị cáo Đ kêu các bị cáo N1, N dừng xe và ở ngoài cảnh giới để các bị cáo Q, Đ đi vào nhà bà P lấy tài sản. Khi vào đến cửa nhà bà P, bị cáo Đ nắm cánh cửa cho bị cáo Q mở chốt; khi cả hai vào được trong nhà, có đèn bật sẵn, nhìn thấy bà P đang nằm ngủ, bị cáo Đ đến dùng tay vén mùng lên, tay còn lại kéo nhẹ vai bà P, thấy trên cổ có đeo sợi dây chuyền vàng nên dùng tay mở khoá thì bà P phát hiện giữ lại, đồng thời truy hô, giằng co với bị cáo Đ, bị cáo Đ dùng tay giật mạnh lấy được dây chuyền từ trên cổ bà P và làm rơi khẩu trang đang đeo xuống, bà P bị rách áo ở phần cổ. Sau khi giật được sợi dây chuyền vàng, bị cáo Đ cùng bị cáo Q bỏ chạy nhưng điện thoại của bị cáo Đ rơi tại hiện trường nên bị cáo Đ quay lại để lấy điện thoại nhưng bị cáo Đ không nhặt lấy điện thoại của mình mà lấy điện thoại nhãn hiệu Redmi 9A màu xanh, dung lượng 32GB của bà P đang để trên giường ngủ, bị bà P tiếp tục truy hô nên các bị cáo Đ, Q bỏ chạy ra xe nơi các bị cáo N1, N đang chờ để tẩu thoát. Sau khi chiếm đoạt được tài sản, các bị cáo Q, Đ và N1 chia sợi dây chuyền vàng ra thành 02 đoạn, bị cáo Q giữ 01 đoạn, đoạn còn lại bị cáo N1 cất giữ, điện thoại di động bị cáo Đ cất giữ. Sau đó, bị cáo N1 đem bán đoạn dây chuyền vàng cho chị Hà Kim N2 được số tiền 8.415.000 đồng, bị cáo N1 giữ lại 4.015.000 đồng, chia cho bị cáo Đ 4.400.000 đồng; bị cáo Q nhờ người phụ nữ (chưa xác định được tên, địa chỉ) bán đoạn dây chuyền vàng được số tiền 1.770.000 đồng, đã tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi sự việc xảy ra, bà P đã trình báo sự việc bị cướp giật 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 9A, dung lượng 32GB, màu xanh; 01 dây chuyền vàng loại 18k, trọng lượng 3,5 chỉ cho công an. Cùng ngày 25/4/2023, các bị cáo Huỳnh Văn Đ, Trần Văn Q và Lê Trung N bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V bắt khẩn cấp, bị cáo Nguyễn Chí N1 ra đầu thú.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐGTS ngày 12/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 9A, dung lượng 32GB, màu xanh có giá 1.500.000 đồng, 01 sợi dây chuyền làm bằng vàng loại 18K, trọng lượng 3,5 chỉ tại thời điểm ngày 25/4/2023 có giá 14.525.000 đồng; tổng giá trị tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt của bà P là 16.025.000 đồng.

Ngoài thực hiện hành vi cướp giật tài sản của bà P, quá trình điều tra đã xác định được các bị cáo Trần Văn Q, Lê Trung N còn thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể như sau: Khoảng 23 giờ ngày 19/4/2023, bị cáo Trần Văn Q rủ bị cáo Lê Trung N đến chòi nuôi vịt chạy đồng của ông Bạch Thanh B và bà Phạm Kiều O đặt tại ở ấp M, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu để lấy trộm tài sản. Bị cáo N đồng ý và dùng xe mô tô biển kiểm soát 94M1- 6133 chở bị cáo Q đến chòi vịt của anh B, chị O. Lúc này khoảng 00 giờ ngày 20/4/2023, lợi dụng lúc anh B, chị O đang ngủ, bị cáo N đứng bên ngoài cảnh giới cho bị cáo Q đi vào bên trong chòi nuôi vịt bắt trộm được 01 con gà trống trọng lượng 2,5 kg và 01 cái ba lô. Sau khi lấy trộm được tài sản, các bị cáo Q, N mang ba lô đến khu đất trống gần đó kiểm tra thì thấy bên trong có 01 chiếc lắc và 01 chiếc nhẫn vàng, các bị cáo Q, N lấy vàng và bỏ lại ba lô tại khu đất trống. Bị cáo N chở bị cáo Q về ngôi nhà hoang ở gần nhà bị cáo Q; tại đây các bị cáo lấy vàng ra xem và giao cho bị cáo Q cất giữ. Sau đó, các bị cáo Q, N mang con gà trống vừa trộm được bán cho anh Phạm Tạc S được số tiền 300.000 đồng. Sau đó, bị cáo N chở bị cáo Q đến tiệm V1, bị cáo Q bán số vàng vừa trộm được cho anh Lương Thanh H2 được số tiền 11.800.000 đồng, bị cáo Q chia cho bị cáo N 5.900.000 đồng, cả hai tiêu xài cá nhân.

Ngày 22/4/2023, ông Bạch Thanh B trình báo sự việc bị mất trộm tài sản, gồm: 01 lắc vàng, loại vàng 18K, trọng lượng 2,6 chỉ; 01 chiếc nhẫn vàng loại 18k, trọng lượng 1,5 chỉ; 01 con gà trống trọng lượng 2,5kg đến cơ quan Công an.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 05/KL-HĐĐGTS ngày 29/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu kết luận: 01 lắc bằng vàng, loại vàng 18K, trọng lượng 2,6 chỉ trị giá 10.998.000 đồng; 01 nhẫn bằng vàng loại 18K, trọng lượng 1,5 chỉ trị giá 6.345.000 đồng; 01 con gà trống trọng lượng 2,5kg trị giá 225.000 đồng, tổng giá trị tài sản mà các bị cáo Q, N chiếm đoạt của ông B, bà O là 17.568.000 đồng.

Tại Bản Cáo trạng số 20/CT - VKS ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu đã truy tố các Huỳnh Văn Đ, Trần Văn Q, Lê Trung N và Nguyễn Chí N1 về tội "*Cướp giật tài sản*" theo khoản 1 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Truy tố các bị cáo Trần Văn Q và Lê Trung N về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu vẫn giữ quyết định truy tố các bị cáo Huỳnh Văn Đ, Trần Văn Q, Lê Trung N và Nguyễn Chí N1 theo nội dung Cáo trạng số 20/CT - VKS ngày 16 tháng 8 năm 2023 và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Huỳnh Văn Đ, Trần Văn Q, Lê Trung N và Nguyễn Chí N1 phạm tội "*Cướp giật tài sản*" theo khoản 1 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tuyên bố các bị cáo Trần Văn Q và Lê Trung N phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 171, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Huỳnh Văn Đ.

Xử phạt bị cáo Đ từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 25/4/2023.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 171, khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, khoản 1 Điều 55, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Văn Q. Xử phạt bị cáo Trần Văn Q từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội "Cướp giật tài sản", từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Trần Văn Q phải chấp hành hình phạt chung của hai tội từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 25/4/2023.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 171, khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38; khoản 1 Điều 55, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Lê Trung N từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản", từ 09 tháng đến 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Lê Trung N phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là từ 01 năm 09 tháng đến 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 25/4/2023.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 171, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Chí N1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí N1 từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra, vị đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị giải quyết vật chứng, trách nhiệm dân sự và án phí của vụ án.

Tại phiên tòa, các bị cáo Huỳnh Văn Đ, Trần Văn Q, Lê Trung N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Bản luận tội của Kiểm sát viên nên các bị cáo không có ý kiến tranh luận. Các bị cáo Huỳnh Văn Đ, Trần Văn Q, Lê Trung N xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt khi nói lời nói sau cùng.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn Q trình bày quan điểm bào chữa: Thống nhất với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu đã truy tố bị cáo Q và đồng phạm, do các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa, nhưng đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Q là "bồi thường, khắc phục hậu quả" theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, do các bị cáo Đ, N đã đồng ý bồi thường thay cho bị cáo Q và bị cáo Q cũng có thiện chí bồi thường thiệt hại cho bà P, nhưng bị cáo Q thuộc diện hộ cận nghèo nên khó khăn về kinh tế, chưa có điều kiện bồi thường cho ông B, bà O; bị cáo còn bị bệnh HIV nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo Q khi quyết định hình phạt; miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật cho bị cáo Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, các bị cáo, bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật; tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Nguyễn Chí N1 đã bỏ trốn khỏi địa phương, Hội đồng xét xử đã yêu cầu Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, tỉnh Bạc Liêu truy nã nhưng không có kết quả. Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 290 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo Nguyễn Chí N1.

Bị hại bà Huỳnh Thị P, ông Bạch Thanh B, bà Phạm Kiều O có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, việc vắng mặt của bà P, ông B, bà O không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà P, ông B, bà O.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo Huỳnh Văn Đ, Trần Văn Q, Lê Trung N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu đã mô tả và truy tố. Lời khai nhận tội này phù hợp với lời khai của chính các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại bà P, ông B, bà O và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Tài sản mà các bị cáo Huỳnh Văn Đ, Trần Văn Q, Lê Trung N và Nguyễn Chí N1 chiếm đoạt của bà Huỳnh Thị P là 01 dây chuyền vàng loại 18K, trọng lượng 3,5 chỉ và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 9A, dung lượng 32GB, màu xanh. Qua định giá, tài sản có giá trị là 16.025.000 đồng.

Các bị cáo Trần Văn Q và Lê Trung N thực hiện hành vi lén lút lấy trộm tài sản của ông B, bà O là 01 lắc vàng, loại vàng 18K, trọng lượng 2,6 chỉ; 01 nhẫn vàng loại 18K, trọng lượng 1,5 chỉ và 01 con gà trống trọng lượng 2,5kg. Qua định giá, tài sản có giá trị là **17.568.000** đồng.

[4] Hành vi nêu trên của các bị cáo Huỳnh Văn Đ, Trần Văn Q, Lê Trung N và Nguyễn Chí N1 đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 171 của Bộ luật Hình sự. Hành vi nêu trên của các bị cáo Trần Văn Q, Lê Trung N đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cáo trạng số 20/CT-VKS ngày 16/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu đã truy tố đối với các bị cáo Huỳnh Văn Đ, Trần Văn Q, Lê Trung N và Nguyễn Chí N1 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[5] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội "Cướp giật tài sản" của các bị cáo Huỳnh Văn Đ, Trần Văn Q, Lê Trung N và Nguyễn Chí N1, Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp chiếm đoạt tài sản hợp pháp của bà Huỳnh Thị P một cách trái pháp luật,

mà còn ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội ở địa phương. Trong lúc các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội có đầy đủ năng lực hành vi và tuổi chịu trách nhiệm hình sự; các bị cáo biết rõ quyền về tài sản hợp pháp của công dân luôn được pháp luật bảo vệ, nhưng chỉ vì động cơ tư lợi bất chính muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà các bị cáo đã cùng nhau đến nhà của bà P để thực hiện hành vi cướp giật tài sản của bà P như Cáo trạng đã truy tố.

[6] Trong vụ án này, bị cáo Đ là người giữ vai trò chính, là người rủ ghê, lôi kéo các bị cáo Q, N, N1 thực hiện phạm tội và cũng là người trực tiếp thực hiện hành vi giật lấy sợi dây chuyền vàng trên cổ của bà P và lấy điện thoại di động để trên giường ngủ của bà P nên bị cáo Đ phải gánh chịu trách hiện hình sự và hình phạt cao hơn các bị cáo khác. Các bị cáo Q, N, N1 là đồng phạm giúp sức cho bị cáo Đ. Bị cáo Q là người cùng với bị cáo Đ đi vào nhà của bà P, dùng tay kéo cửa để bị cáo Đ mở chốt khóa cửa đột nhập vào nhà của bà P để chiếm đoạt tài sản, sau khi chiếm đoạt được sợi dây chuyền vàng của bà P, bị cáo Q giữ 01 đoạn và bán được số tiền 1.770.000 đồng, tiêu xài cá nhân hết nên bị cáo Q phải gánh chịu trách nhiệm hình sự và hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Các bị cáo N, N1 giữ vai trò giúp sức, thực hiện hành vi cảnh giới cho các bị cáo Đ, Q đột nhập vào nhà của bà P để chiếm đoạt tài sản; sau khi chiếm đoạt được tài sản, các bị cáo N, N1 dùng xe của mình chở các bị cáo Đ, Q tẩu thoát và chia sợi dây chuyền của bà P thành 02 đoạn, bị cáo N1 đem sợi dây chuyền bán cho chị Hà Kim N2 được số tiền 8.415.000 đồng, chia cho bị cáo Đ 4.400.000 đồng, giữ lại số tiền 4.015.000 đồng tiêu xài cá nhân hết; bị cáo N không được hưởng lợi từ việc chiếm đoạt tài sản của bà P nên bị cáo N phải gánh chịu hình phạt thấp hơn các bị cáo khác; bị cáo N1 đầu thú, được cho tại ngoại và cấm đi khỏi nơi cư trú chờ ngày xét xử, bị cáo N1 đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú nhằm trốn tránh sự chế tài của pháp luật, gây khó khăn cho việc xét xử vụ án nên cần phải xử lý nghiêm nhằm để răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[7] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội "Trộm cắp tài sản" của các bị Trần Văn Q và Lê Trung N, Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo Q là người giữ vai trò chính, là người trực tiếp thực hiện hành vi lén lút lấy trộm tài sản của ông B, bà O; bị cáo N là đồng phạm giúp sức, giữ vai trò cảnh giới cho bị cáo Q thực hiện hành vi phạm tội. Sau khi lấy trộm được tài sản, các bị cáo Q, N đã cùng nhau mang đi tiêu thụ và chia nhau tiêu xài hết. Vì vậy, bị cáo Q phải gánh chịu hình phạt cao hơn bị cáo N.

[8] Tuy các bị cáo Đ, Q, N, N1 cùng nhau thống nhất ý chí thực hiện hành vi phạm tội cướp giật tài sản của bà P; bị cáo Q và N cùng nhau thực hiện hành vi lấy trộm tài sản của ông B, bà O nhưng trước, trong khi thực hiện phạm tội các bị cáo không có bàn bạc, phân công vai trò cho từng người, không mang tính tổ chức mà chỉ là đồng phạm giản đơn nên Viện kiểm sát không truy tố các bị cáo phạm tội "Có tổ chức" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 171 và điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[9] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho cho các bị cáo, như sau:

[9.1] Bị cáo Huỳnh Văn Đ có 01 tiền án chưa được xóa án tích, bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" và "Trốn khỏi nơi giam giữ" tại Bản án số 16/2020/HS-ST ngày 22/9/2020 và có nhân thân xấu như phần lý lịch đã thể hiện. Vì vậy, lần phạm tội này của bị cáo Đ được xác định là "tái phạm" theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự nên cần áp dụng mức hình phạt nghiêm để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với về hành vi phạm tội của mình; đã bồi thường, khắc phục hậu quả cho bà P, được bà P làm đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt; có ông nội là liệt sỹ nên Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trên theo quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết dịnh hình phạt.

[9.2] Bị cáo Trần Văn Q có 01 tiền sự, ngày 02/5/2022 bị Công an huyện V ra Quyết định số 79/QĐ-XPHC xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản, chưa nộp phạt và có nhân thân xấu, ngày 20/5/2005 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án hình sự phúc thẩm số 100/HS-PT, nên cần áp dụng mức hình phạt nghiêm đối với bị cáo và cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để răn đe, cải tạo bị cáo thành người công dân tốt có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bản thân bị cáo bị nhiễm HIV, thuộc diện hộ cận nghèo và có mẹ ruột là người có công với cách mạng; mặt khác, các bị cáo Đ, N thừa nhận đã bồi thường thiệt hại cho bà P thay luôn phần của bị cáo Q nhưng bị cáo Q không có tác động các bị cáo Đ, N, N1 bồi thường thay nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Q áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ *"Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả"* theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, mà có căn cứ chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trên theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[9.3] Bị cáo Lê Trung N có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tích cực tác động gia đình bồi thường, khắc phục hậu quả cho các bị hại, được bà P có đơn xin bãi nại cho bị cáo, có ông nội là người có công với cách mạng nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trên quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trên theo quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[9.4] Bị cáo Nguyễn Chí N1 có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tích cực tác động gia đình bồi thường, khắc phục hậu quả cho bà P, được bà P có đơn xin bãi nại cho bị cáo; sau khi vụ án bị phát hiện, bị cáo đã ra "đầu thú" và có ông nội là người có công với cách mạng nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trên theo quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[10] Về xử lý vật chứng:

[10.1] Đối với 01 (một) chiếc khẩu trang y tế màu trắng bị đứt dây đeo, 01 (một) điện thoại di động hiệu VSMART bị nứt màn hình của bị cáo Đ; tạm giữ của bà Huỳnh Thị P 01 (một) cái áo thun nữ nền màu vàng nâu, hoa văn màu xanh đen bị rách ở cổ áo. Xét thấy, bà P không đồng ý nhận lại tài sản; chiếc khẩu trang và điện thoại di động của bị cáo Đ hiện không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy các vật chứng trên.

[10.2] Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại TAURUS, màu sơn đen, biển kiểm soát 94M1-6133, 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy của xe mô tô biển kiểm soát 94M1-6133 tên Nguyễn Trung N3. Xét thấy, bị cáo N3 đã sử dụng xe mô tô này để làm phương tiện chở đồng bọn đi thực hiện hành vi phạm tội nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu nhận lại xe của bà H và đề nghị của Kiểm sát viên, mà cần tịch thu bán đấu giá nộp ngân sách nhà nước.

[10.3] Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 9A, dung lượng 32GB, màu xanh của bà Huỳnh Thị P, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là đúng quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[11] Về trách nhiệm dân sự:

[11.1] Các bị cáo Nguyễn Chí N1, Huỳnh Văn Đ và Lê Trung N đã tự mình hoặc tác động người thân bồi thường cho bà Huỳnh Thị P số tiền 14.525.000 đồng, bà P đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[11.2] Buộc các bị cáo Trần Văn Q và Lê Trung N có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho ông Bạch Thanh B, bà Phạm Kiều O số tiền 17.568.000 đồng, cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường cho ông B, bà O số tiền 8.784.000 đồng. Bị cáo Lê Trung N đã tác động người thân bồi thường cho ông B, bà O số tiền 8.000.000 đồng nên bị cáo N còn phải tiếp tục bồi thường cho ông B, bà O số tiền 784.000 đồng; buộc bị cáo Q có nghĩa vụ bồi thường cho ông B, bà O số tiền 8.784.000 đồng.

[12] Đối với chị Hà Kim N2, anh Lương Thanh H2, anh Phạm Tạc S không biết tài sản mua do người khác phạm tội mà có nên không đề cập xử lý; anh Lê Văn Đ1, chị Huỳnh Thị Hằng M2, người thanh niên tên Lắm quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội. Đối với xe mô tô nhãn hiệu Vision chưa xác định biển kiểm soát, bị cáo Nguyễn Chí N1 dùng làm phương tiện chở bị cáo Huỳnh Văn Đ thực hiện hành vi phạm tội quá trình điều tra bị cáo N1 khai đã

bán cho người không xác định được nhân thân, Cơ quan điều tra không thu giữ được nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[13] Về án phí: Các bị cáo Huỳnh Văn Đ, Trần Văn Q, Lê Trung N và Nguyễn Chí N1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm; ngoài ra, các bị cáo Q, N còn phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán cho ông B, bà O, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23, điểm b khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, bị cáo Trần Văn Q thuộc diện hộ cận nghèo, có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên Hội đồng xét xử miễn cho bị cáo Q không phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Huỳnh Văn Đ, Trần Văn Q, Lê Trung N và Nguyễn Chí N1 phạm tội "Cướp giật tài sản". Tuyên bố các bị cáo Trần Văn Q, Lê Trung N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt và điều luật áp dụng:

2.1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 171; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Huỳnh Văn Đ. Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn Đ 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 25/4/2023.

2.2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 171, khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Văn Q. Xử phạt bị cáo Trần Văn Q 02 (hai) năm tù về tội "Cướp giật tài sản" và 01 (một) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ vào khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Trần Văn Q chấp hành hình phạt chung của hai tội là 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 25/4/2023.

2.3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 171, khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Trung N. Xử phạt bị cáo Lê Trung N 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" và 09 (chín) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 25/4/2023.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Lê Trung N chấp hành hình phạt chung của hai tội là 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 25/4/2023.

2.4. Căn cứ vào khoản 1 Điều 171, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Chí N1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí N1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào các điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự, buộc các bị cáo Trần Văn Q và Lê Trung N có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho ông Bạch Thanh B và bà Phạm Kiều O số tiền 17.568.000 đồng, cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường cho ông B, bà O số tiền 8.784.000 đồng. Bị cáo Lê Trung N đã tác động người thân bồi thường cho ông B, bà O số tiền 8.000.000 đồng nên bị cáo N còn phải tiếp tục bồi thường cho ông B, bà O số tiền 784.000 đồng; buộc bị cáo Q có nghĩa vụ bồi thường cho ông B, bà O số tiền 8.784.000 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

4. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) chiếc khẩu trang y tế màu trắng bị đứt dây đeo, 01 (một) điện thoại di động hiệu VSMART bị nứt màn hình của bị cáo Đ; 01 (một) cái áo thun nữ nền màu vàng nâu, hoa văn màu xanh đen bị rách ở cổ áo của bà P.

- Tịch thu bán đấu giá nộp ngân sách nhà nước 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại TAURUS, màu sơn đen, biển kiểm soát 94M1-6133, 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy của xe biển kiểm soát 94M1-6133 tên Nguyễn Trung N3.

7. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23, điểm b khoản 2 Điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Huỳnh Văn Đ, Lê Trung N và Nguyễn Chí N1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Lê Trung N còn phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo Trần Văn Q.

8. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Huỳnh Văn Đ, Trần Văn Q, Lê Trung N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Cao Thị H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị cáo Nguyễn Chí N1, bị hại bà Huỳnh Thị P, ông Bạch Thanh B, bà Phạm Kiều O vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- Sở Tư pháp Bạc Liêu;
- VKSND huyện Vĩnh Lợi;
- CQCSĐT – CA huyện Vĩnh Lợi;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Lợi;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Hoàng Tính